

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

KẾT LUẬN THANH TRA
Về công tác hộ tịch, chứng thực tại
UBND phường Quang Trung, thành phố Kon Tum

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-STP ngày 03/6/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thành lập Đoàn thanh tra và tiến hành thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực tại UBND phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, Đoàn thanh tra đã xây dựng Kế hoạch số 25/KH-ĐTT ngày 04/6/2021 về việc tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo số 13/BC-ĐTT-m ngày 28/6/2021 của Trưởng đoàn thanh tra; ý kiến giải trình của UBND phường Quang Trung tại Văn bản số 810/UBND-TH ngày 05/7/2021, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận thanh tra như sau:

I. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

1.1. Ưu điểm:

- Hàng năm, UBND phường Quang Trung đều ban hành chương trình, kế hoạch⁽¹⁾ để triển khai công tác tư pháp; trong đó, có triển khai công tác hộ tịch và chứng thực tại địa phương.

- Việc lưu trữ hồ sơ, giấy tờ hộ tịch, chứng thực cơ bản thực hiện đúng quy định; việc ghi chép sổ hộ tịch thực hiện cơ bản đầy đủ, rõ ràng.

- Niêm yết công khai các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại trụ sở để cá nhân, tổ chức tham khảo, thực hiện.

- Bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014.

1.2. Kết quả đạt được

- **Kết quả việc thực hiện đăng ký hộ tịch (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/5/2021):** Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 1.778 trường hợp; tổng số lệ phí thu được là 25.125.000 đồng. Trong đó: Đăng ký khai sinh: 720 trường hợp; đăng ký khai tử: 87 trường hợp; đăng ký kết hôn: 141 trường hợp; đăng ký thay đổi, cải chính hộ

¹ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND phường Quang Trung về việc ban hành Chương trình trọng tâm công tác Tư pháp năm 2020 trên địa bàn phường Quang Trung; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2021 của UBND phường Quang Trung về việc triển khai công tác Tư pháp trên địa bàn phường Quang Trung năm 2021.

tịch: 68 trường hợp; đăng ký nhận cha, mẹ, con: 11 trường hợp; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 763 trường hợp.

- **Kết quả thực hiện việc chứng thực (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/5/2021):** Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 11.575 trường hợp; tổng số lệ phí thu được là: 103.752.000 đồng. Trong đó: Chứng thực bản sao từ bản chính: 9.218 trường hợp; chứng thực chữ ký: 2.289 trường hợp; chứng thực hợp đồng, giao dịch: 68 trường hợp.

2. Vi phạm, thiếu sót

2.1. Công tác đăng ký hộ tịch

2.1.1. Đăng ký khai sinh

- **Sổ đăng ký khai sinh năm 2020:**

+ Sửa chữa sai sót trong Sổ đăng ký khai sinh không đúng quy định như: Số 116, 125, 129, 138, 147,....quyển số 02.

+ Quyển số 03 bỏ trống từ trang 58 đến trang số 75.

+ Số 85, ngày 27/3/2020 (trang số 85): Người được đăng ký khai sinh là A Ya Hải, dân tộc: Ba Na; mẹ là Y Khen, dân tộc: Ba Na; cha là A Khunh, dân tộc: Gia Rai. Người được đăng ký khai sinh theo dân tộc mẹ nhưng trong hồ sơ đăng ký khai sinh không có văn bản thỏa thuận giữa cha và mẹ. Tương tự, đăng ký khai sinh số 97, ngày 14/4/2020 (trang số 97), quyển 1: Người được đăng ký khai sinh là Trần Minh Quân, dân tộc: Vân Kiều; mẹ là Cao Hương Giang, dân tộc: Vân Kiều; cha là Trần Khánh Duy, dân tộc: Kinh. Người được đăng ký khai sinh theo dân tộc mẹ nhưng trong hồ sơ đăng ký khai sinh không có văn bản thỏa thuận xác định dân tộc cho con của cha và mẹ.

+ Số 335, ngày 28/12/2020 (trang số 35), quyển số 04: Mục nơi sinh hiện ghi là Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum, tuy nhiên, mục nơi sinh trong Giấy chứng sinh ghi là Bệnh viện Đa khoa Gia đình, thành phố Đà Nẵng là không đúng quy định. Tương tự, số 336, ngày 30/12/2020 (trang số 36), quyển số 04: Mục nơi sinh là Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum, tuy nhiên, mục nơi sinh trong Giấy chứng sinh ghi là Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định.

- **Sổ đăng ký khai sinh năm 2021:**

+ Từ quyển số 01 đến quyển số 03: Việc đăng ký khai sinh chưa được ghi đầy đủ nội dung khai sinh vào sổ.

+ Từ số 01 đến số 16 và từ số 18 đến số 25, quyển số 01: Không có chữ ký của người đi đăng ký khai sinh (*chỉ ghi họ, chữ đệm, tên người đi đăng ký khai sinh*).

+ Số 12, ngày 12/01/2021: Người được đăng ký khai sinh là Y Hân, dân tộc: Ba Na; mẹ là Y Wõng, dân tộc: Ba Na; cha là A Bông, dân tộc: Ha - Lãng. Người

được đăng ký khai sinh theo dân tộc mẹ nhưng trong hồ sơ đăng ký khai sinh không có văn bản thỏa thuận giữa cha và mẹ.

+ Số 62, ngày 04/3/2021: Người được đăng ký khai sinh là Tường Trâm Anh, nơi sinh là Bệnh viên Đa khoa tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, nơi sinh ghi trong Giấy chứng sinh và Tờ khai đăng ký khai sinh là Bệnh viên Đa khoa Vạn Gia An, tỉnh Kon Tum (*ghi nhầm trong Sổ đăng ký khai sinh*).

- *Thủ tục đăng ký lại khai sinh:*

+ Trong năm 2021, đa số hồ sơ đăng ký lại khai sinh không có văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có, như: Số 60, 61, ngày 02/03/2021; số 68, 70, ngày 9/03/2021; số 74, ngày 12/03/2021, quyền số 01/2021.

+ Hồ sơ đăng ký khai sinh số 03, ngày 5/4/2021: Thiếu Tờ khai đăng ký khai sinh cho Nguyễn Phan Khả Như.

+ Hồ sơ đăng ký khai sinh số 57, ngày 26/02/2021: Người được đăng ký lại khai sinh là ông Trần Đức Độ (đảng viên), tuy nhiên, Chứng minh nhân dân mang tên là Trần Văn Độ nhưng chưa có văn bản xác minh tại tàng thư Công an tỉnh Kon Tum; thiếu văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi công tác theo quy định.

2.1.2. Đăng ký khai tử

- *Sổ đăng ký khai tử năm 2020, 2021:*

+ Mục Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử hiện ghi Đơn báo tử là không đúng quy định như số 01, 02, 03,...quyển 1/2020; số 02, 03, 04,...quyển số 02/2021.

+ Sổ đăng ký khai tử năm 2020: Số 01, 02, 03, 04... người thực hiện đăng ký khai tử ký nhưng chưa ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Khóa sổ không đúng quy định như chưa ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch.

2.1.3. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/5/2021, UBND phường Quang Trung cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho 763 trường hợp, tuy nhiên, công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định.

2.1.4. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc

- Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc năm 2020:

+ Từ số 01 đến số 10, thiếu chữ ký, họ, chữ đệm và tên của người đi đăng ký; từ số 11 đến số 16, thiếu chữ ký của người đi đăng ký.

+ Số 12, ngày 17/9/2020: Phần ghi về nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc hiện ghi "*được cải chính lại tên lót (tên đệm)*" là

không chính xác; đây thuộc trường hợp thay đổi hộ tịch chứ không phải cải chính hộ tịch. Tương tự, số 11, ngày 17/9/2020; số 08, ngày 30/6/2020.

2.1.5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con năm 2020: Số 01, 02, 03, 05, 06 thiếu chữ ký, họ, chữ đệm và tên của người đi đăng ký.

2.1.6. Đăng ký kết hôn

- Sổ đăng ký kết hôn năm 2020: Sổ đăng ký kết hôn quyền số 01/2020 (*mở sổ ngày 02/01/2020 và khóa sổ ngày 7/12/2020*): Tại trang số 01, số đăng ký khai sinh hiện ghi 01/2019, ngày 02/01/2019; mục ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân hiện ghi ngày 02/01/2019 là không đúng với Sổ đăng ký kết hôn và hồ sơ đăng ký kết hôn (*hồ sơ thể hiện ngày đăng ký kết hôn là ngày 02/01/2020*).

- Sổ đăng ký kết hôn năm 2021: Từ số 08 đến số 45, thiếu họ, chữ đệm, tên, chức vụ của người ký Giấy chứng nhận kết hôn/Trích lục ghi chú kết hôn; từ số 01 đến số 45, thiếu họ, chữ đệm, tên của người thực hiện.

- Thủ tục đăng ký kết hôn:

+ Hồ sơ đăng ký kết hôn số 102, ngày 10/12/2020: Giấy xác nhận tình trạng hôn của bà Vũ Thị Thanh Thanh quá 6 tháng kể từ ngày cấp (*Giấy xác nhận tình trạng hôn do UBND xã Hà Môn, huyện Đăk Hà cấp ngày 13/03/2020*).

+ Hồ sơ đăng ký kết hôn số 38, ngày 28/4/2021: Thiếu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum cấp cho bà Phạm Thị Kim Thoa, nơi cư trú tại thôn Kontumkopong, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum.

2.2. Công tác chứng thực

2.2.1. Sổ chứng thực

- *Sổ chứng thực bản sao từ bản chính năm 2020:* (quyển số 01, 02, 03): Khóa sổ chứng thực theo từng quyển là không đúng quy định.

- *Sổ chứng thực chữ ký năm 2020:* Từ ngày 13/7/2020 đến ngày 31/12/2020, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chứng thực nhưng định kỳ hàng tháng chưa in và đóng thành sổ, đóng dấu giáp lai; đến ngày 31/12/2020 chưa ghép chung thành 01 sổ chứng thực.

2.2.2. Thủ tục chứng thực chữ ký:

- Lờì chứng thực chữ ký là mẫu in sẵn, được đóng chồng lên lờì cam đoan của người yêu cầu chứng thực (*phía bên trái của văn bản chứng thực*) như Văn bản chứng thực số 1784, 1789, 1781, quyển số 01/2020-SCT/CK,ĐC, ngày 31/12/2020;...

+ Chứng thực chữ ký trong văn bản Sơ yếu lý lịch tự thuật số 1786, quyển số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 31/12/2020: Lờì chứng thực chữ ký không có tên người ký văn bản chứng thực; lờì chứng thực được in chồng lên lờì cam đoan của

người đề nghị chứng thực chữ ký; người thực hiện chứng thực ký nhưng chưa ghi rõ họ tên.

+ Một số văn bản chứng thực chữ ký có nội dung là hợp đồng, giao dịch như: Chứng thực chữ ký trong Biên bản họp gia đình số 1570, quyền số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 29/10/2020.

+ Chứng thực chữ ký trong Hợp đồng ủy quyền số 1600, quyền số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 9/11/2020 không đúng quy định (*thuộc trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch chứ không phải chứng thực chữ ký*). Tương tự, chứng thực chữ ký trong Biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 727, quyền số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 18/5/2020 không đúng quy định (*thuộc trường hợp chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*).

- Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch: Hồ sơ chứng thực hợp đồng ủy quyền số 31, quyền 01/2020/SCT/HĐ-GD ngày 17/7/2020: Hồ sơ thiếu bản sao Giấy CMND hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; thiếu Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; hợp đồng có từ 02 trang trở lên nhưng không đánh số thứ tự.

II. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Nhận xét

Qua thanh tra nhận thấy: Với khối lượng công việc hộ tịch, chứng thực tương đối lớn nhưng đơn vị đã có nhiều nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ; phân công nhiệm vụ cho công chức hợp lý, rõ ràng; giải quyết nhanh chóng, kịp thời các yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực. Bộ trí công chức Tư pháp – Hộ tịch đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong thời kỳ thanh tra, chưa phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức liên quan đến công tác hộ tịch, chứng thực tại địa phương.

Các sai sót trong công tác hộ tịch, chứng thực là do công chức Tư pháp – Hộ tịch đảm đương nhiều công việc nên chưa bố trí thời gian để hoàn chỉnh hồ sơ hộ tịch dẫn việc cập nhật, ghi chép các thông tin trong sổ hộ tịch chưa đầy đủ, kịp thời, còn nhầm lẫn nội dung. Mặt khác, công chức Tư pháp – Hộ tịch chưa nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình giải quyết công việc. Người có thẩm quyền ký, xác nhận, cấp các giấy tờ về hộ tịch, chứng thực chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát;....

2. Kết luận

2.1. Công tác hộ tịch

2.1.1. Đăng ký khai sinh

- Sổ đăng ký khai sinh năm 2020, 2021:

+ Việc sửa chữa sai sót trong Sổ không đúng quy định tại Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (*gọi tắt là Thông tư số 04/2020/TT-BTP*). Mục nơi sinh trong Sổ ghi không đúng với mục nơi sinh trong Giấy chứng sinh và Tờ khai đăng ký khai sinh là không đúng quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 31 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

+ Việc đăng ký khai sinh chưa được ghi đầy đủ nội dung khai sinh vào Sổ là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Một số trang trong Sổ không có chữ ký của người đi đăng ký khai sinh (*chỉ ghi họ, chữ đệm, tên người đi đăng ký khai sinh*) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch. Người được đăng ký khai sinh theo dân tộc mẹ nhưng trong hồ sơ đăng ký khai sinh không có văn bản thỏa thuận giữa cha và mẹ là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- *Thủ tục đăng ký lại khai sinh*: Hồ sơ đăng ký lại khai sinh không có văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Hồ sơ thiếu Tờ khai đăng ký khai sinh là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch. Tên đệm của người được đăng ký lại khai sinh không khớp với tên đệm trong Chứng minh nhân dân nhưng chưa có văn bản xác minh tại tàng thư Công an tỉnh Kon Tum; thiếu văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi công tác là không đúng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

2.1.2. Sổ đăng ký khai tử năm 2020, 2021: Mục Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử hiện ghi Đơn báo tử là không đúng quy định tại khoản 4, Điều 34 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Người thực hiện đăng ký khai tử ký nhưng chưa ghi rõ họ, chữ đệm, tên là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Khóa sổ không đúng quy định theo Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2.1.3. Chưa ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân các trường hợp đã được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 15/2015/TT-BTP⁽²⁾ và Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2.1.4. Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc năm 2020: Một số trường hợp (số đăng ký) thiếu chữ ký, họ, chữ đệm và tên của người đi đăng ký; thiếu chữ ký của người đi đăng ký là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Có trường hợp xảy ra sai sót, nhầm lẫn giữa cải chính và thay đổi hộ tịch.

² Thông tư số 15/2015/TT-BTP trước ngày 16/7/2020 vẫn còn hiệu lực, nay được thay thế bởi Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2.1.5. Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con năm 2020: Một số trường hợp (sổ đăng ký) thiếu chữ ký, họ, chữ đệm và tên của người đi đăng ký là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Hộ tịch và khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2.1.6. Sổ đăng ký kết hôn năm 2021: Một số trường hợp (sổ đăng ký) thiếu họ, chữ đệm, tên, chức vụ của người ký Giấy chứng nhận kết hôn/Trích lục ghi chú kết hôn; thiếu họ, chữ đệm, tên của người thực hiện là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Hồ sơ đăng ký kết hôn sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn quá 6 tháng là không đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Hồ sơ đăng ký kết hôn thiếu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

2.2. Công tác chứng thực

2.2.1. Sổ chứng thực

- *Sổ chứng thực bản sao từ bản chính năm 2020:* Khóa sổ chứng thực không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (*gọi tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP*).

- *Sổ chứng thực chữ ký năm 2020:* Từ ngày 13/7/2020 đến ngày 31/12/2020, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chứng thực nhưng định kỳ hàng tháng chưa in và đóng thành sổ, đóng dấu giáp lai; đến ngày 31/12/2020 chưa ghép chung thành 01 sổ chứng thực là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

2.2.2. Thủ tục chứng thực chữ ký:

- Lời chứng thực chữ ký là mẫu in sẵn, được đóng chồng lên lời cam đoan của người yêu cầu chứng thực (*phía bên trái của văn bản chứng thực*) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (*gọi tắt là Thông tư số 01/2020/TT-BTP*). Lời chứng thực chữ ký không có tên người ký văn bản chứng thực, người thực hiện chứng thực ký nhưng chưa ghi rõ họ, tên là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Một số văn bản chứng thực chữ ký có nội dung là hợp đồng, giao dịch là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Chứng thực chữ ký trong Hợp đồng ủy quyền và Biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là không đúng quy định tại Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Hồ sơ chứng thực thiếu bản sao Giấy CMND hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; thiếu Giấy chứng nhận đăng ký xe ô

tô; hợp đồng có từ 02 trang trở lên nhưng không đánh số thứ tự là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

III. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết quả đạt được và những vi phạm, thiếu sót nêu trên, Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu:

1. Đối với UBND phường Quang Trung

- Xây dựng Kế hoạch phát huy ưu điểm, khắc phục các vi phạm, thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục I Kết luận này và triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, nghiêm túc (*gửi kế hoạch về Thanh tra Sở Tư pháp để theo dõi*).

- Thực hiện việc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối công chức Tư pháp – Hộ tịch; đồng thời, chỉ đạo công chức Tư pháp – Hộ tịch thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hộ tịch, chứng thực, không để xảy ra các vi phạm, thiếu sót đã được chỉ ra qua thanh tra.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp (*qua Thanh tra Sở*) trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

2. Thanh tra Sở Tư pháp: Thông báo công khai Kết luận thanh tra theo quy định; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp về kết quả thực hiện.

Trên đây là kết luận thanh tra về công tác hộ tịch, chứng thực tại UBND phường Quang Trung, thành phố Kon Tum./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Tư pháp thành phố Kon Tum;
- UBND phường Quang Trung (t/h);
- Thanh tra Sở (t/h);
- Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp;
- Văn phòng Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở (để công khai);
- Lưu VT, Hồ sơ thanh tra (02b).

GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Thanh